

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/KDTM-ST
Ngày: 27/6/2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thảo Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phương Minh Thành.

Ông Nguyễn Trường Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Quyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Chí Thiện - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLST-KDTM, ngày 06 tháng 8 năm 2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng N.**

Địa chỉ trụ sở chính: L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện cho Ngân hàng N: Ông **Trịnh Ngọc K**, Chủ tịch Hội đồng thành viên. Ủy quyền cho ông **Phan Văn H**, Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh số 02 Trà Vinh tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐQT-PC ngày 19/6/2014.

Ông Phan Văn H ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1980; chức vụ: Trưởng Phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N – Chi nhánh số 02 Trà Vinh, tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền số 63/GUQ-NHNoCN2, ngày 27/6/2019 (có mặt).

Địa chỉ chi nhánh: Đường T, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông **Châu Văn L**, sinh năm 1954. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường T, khóm D, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Châu Thị T**, sinh năm 1959. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường T, khóm B, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2/ Ông **Trì Văn D**, sinh năm 1952. (có đơn xét xử vắng mặt)

3/ Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1950. (có đơn xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp C, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (khóm B, phường G, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh).

Hiện đang cư trú: khóm I, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời khai của bà Nguyễn Thị Kim S là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 09/5/2017, ông Châu Văn L có ký hợp đồng tín dụng số 7402-LAV-201700368 với Ngân hàng N - Chi nhánh số 2 Trà Vinh vay số tiền 2.500.000.000 đồng, phương thức cho vay từng lần, mục đích vay: mua bán ăn uống bình dân, bán đồ uống có cồn, mua bán lúa, mua bán cây kiềng các loại, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 09/5/2017. Lãi suất cho vay trong hạn 10,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh thay đổi linh hoạt theo mức lãi suất quy định của ngân hàng nhà nước theo từng thời kỳ. Để đảm bảo cho khoản vay trên bà Châu Thị T đã dùng tài sản của bà để thế chấp cho Ngân hàng N – Chi nhánh số 02 Trà Vinh gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích 315,2m², thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 22, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khóm I, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Quyền sử dụng đất diện tích 179,3m², thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 22, loại đất ở đô thị, tọa lạc tại khóm I, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Quyền sử dụng đất diện tích 300m², thuộc thửa đất số 53, tờ bản đồ số 22, loại đất cơ sở sản xuất kinh doanh, tọa lạc tại khóm I, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Quyền sử dụng đất diện tích 477,3m², thuộc thửa đất số 54, tờ bản đồ số 22, trong đó: đất ở đô thị diện tích 85,7m², đất trồng cây lâu năm diện tích 3991,6m², tọa lạc tại khóm I, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Từ ngày vay đến nay ông Châu Văn L đã vi phạm hợp đồng tín dụng, không trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Kim S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Châu Văn L phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng N – Chi nhánh số 02 Trà Vinh tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 27/6/2019 là 3.218.958.333 đồng. Trong đó: vốn gốc là 2.500.000.000 đồng, lãi trong hạn 568.020.833 đồng, lãi quá hạn 150.937.500 đồng. Yêu cầu ông Châu Văn L phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ. Nếu ông Châu Văn L không trả nợ cho ngân hàng

thì Ngân hàng N – Chi nhánh số 02 Trà Vinh yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất mà bà Châu Thị T đã thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Châu Văn L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng ông Châu Văn L vắng mặt nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Thị T từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và từ chối không cho Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà T. Nên bà T không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trì Văn D và bà Nguyễn Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt và có lời trình như sau: Ông D và bà A là người được bà Châu Thị T thuê để trông coi quản lý nhà nghỉ cho bà Châu Thị T. Ông D và bà A không có liên quan gì đến nhà và đất mà bà T thế chấp cho Ngân hàng N – Chi nhánh số 2 Trà Vinh. Trong quá trình làm thuê trông coi nhà nghỉ, ông D và bà A không có xây dựng công trình gì trên phần đất thế chấp. Nếu phát mãi tài sản mà bà Châu Thị T đã thế chấp thì ông D và bà A sẽ chấp hành theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Ông D và bà A không có liên quan gì trong vụ án này nên không có yêu cầu gì.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án trong thời gian chuẩn bị xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đối với người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật và có mặt tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Riêng bị đơn ông Châu Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Ông Trì Văn D và bà Nguyễn Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Về nội dung vụ án: Ngày 09/5/2017 Ngân hàng N – Chi nhánh số 2 Trà Vinh có ký kết hợp đồng tín dụng số 7402-LAV-201700368 với ông Châu Văn L, số tiền cho vay là 2.500.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng vốn ông Châu Văn L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng khởi yêu cầu ông L thanh toán toàn bộ số tiền tính đến ngày 27/6/2019 là 3.218.958.333 đồng. Trong đó: vốn gốc là 2.500.000.000 đồng, lãi trong hạn 568.020.833 đồng, lãi quá hạn 150.937.500 đồng và lãi phát sinh đến khi ông L trả hết số tiền còn nợ là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 30, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463, 466, Điều 468, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Châu Văn L có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng số nợ gốc và nợ lãi. Nếu ông Châu Văn L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản mà bà T đã thế chấp để thu hồi nợ.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Châu Văn L phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Châu Văn L phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông Châu Văn L phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền ông L còn nợ (bao gồm vốn gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và phần lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng) và xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng đã ký kết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng Dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Vụ án có bị đơn ông Châu Văn L cư trú tại Khóm D, Phường G, thành phố T nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh theo điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Bị đơn ông Châu Văn L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Thị T, mặc dù đã được Tòa án thông đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng ông Châu Văn L không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Châu Thị T từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và từ chối không cho Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà T. Ông L và bà T đều vắng mặt không có lý do. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trì Văn D và bà Nguyễn Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Châu Văn L, bà Châu Thị T, ông Trì Văn D và bà Nguyễn Thị A là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc yêu cầu ông Châu Văn L phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 27/6/2019 là 3.218.958.333 đồng. Trong đó: vốn gốc là 2.500.000.000 đồng, lãi trong hạn 568.020.833 đồng, lãi quá hạn 150.937.500 đồng. Yêu cầu ông Châu Văn L tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Hợp đồng tín dụng số 7402-LAV-201700368 ngày 09/5/2017 được ký kết giữa Ngân hàng N – Chi nhánh số 02 Trà Vinh và ông Châu Văn L, thể hiện ông Châu Văn L có vay số tiền 2.500.000.000 đồng và đã nhận đủ tiền vay, mục đích vay tiền, thời hạn vay, lãi suất cho vay đúng với lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn. Hợp đồng tín dụng nói trên là hợp

đồng được lập thành văn bản. Các thỏa thuận và điều khoản trong hợp đồng tín dụng đều thể hiện ý chí tự nguyện của các bên giao kết hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật, nên hợp đồng này là hợp pháp. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên giao kết và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Do ông Châu Văn L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng N theo thỏa thuận tại hợp đồng số 7402-LAV-201700368 ngày 09/5/2017 là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông Châu Văn L phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 27/6/2019 là 3.218.958.333 đồng. Trong đó: vốn gốc là 2.500.000.000 đồng, lãi trong hạn 568.020.833 đồng, lãi quá hạn 150.937.500 đồng. Yêu cầu ông Châu Văn L tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng, là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[4] Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng nêu trên, bà Châu Thị T và Ngân hàng N – Chi nhánh số 02 Trà Vinh đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 9/5/HĐTC ngày 09/5/2017. Tài sản thế chấp gồm các Quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho cá nhân bà Châu Thị T, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng đất diện tích 315,2m², thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 22, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khóm I, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Quyền sử dụng đất diện tích 179,3m², thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 22, loại đất ở đô thị, tọa lạc tại khóm I, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Quyền sử dụng đất diện tích 300m², thuộc thửa đất số 53, tờ bản đồ số 22, loại đất cơ sở sản xuất kinh doanh, tọa lạc tại khóm I, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Quyền sử dụng đất diện tích 477,3m², thuộc thửa đất số 54, tờ bản đồ số 22, trong đó: đất ở đô thị diện tích 85,7m², đất trồng cây lâu năm diện tích 391,6m², tọa lạc tại khóm I, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 9/5/HĐTC ngày 09/5/2017 nói trên, là hợp đồng được lập thành văn bản, các thỏa thuận trong hợp đồng thể hiện ý chí tự nguyện của các bên, hợp đồng được công chứng chứng thực và có đăng thế chấp theo quy định của pháp luật, là hợp đồng hợp pháp. Như vậy từ ngày vay tiền đến ngày hết hạn hợp đồng (ngày 09/5/2018), ông Châu Văn L không có trả cho Ngân hàng khoản tiền nào cả. Nên tài sản thế chấp nói trên sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho ngân hàng, là phù hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Tại biên bản xem xét thẩm định chỗ ngày 31/10/2018, và biên bản xác minh ngày 30/5/2019, thể hiện trên các thửa đất thế chấp có các tài sản gắn liền với đất như sau: Nhà chính, nhà nghỉ (có 02 dãy gồm 10 phòng), nhà kho, nhà vệ sinh, nhà bếp, nhà tiền chế, hàng rào, sân trước, cây trồng trên đất gồm có: 01 cây mai, 06 cây đu đủ, 04 cây lộc vừng, 01 cây dầu thơm. Ông Trì Văn D và bà

Nguyễn Thị A là người được bà Châu Thị T thuê để trông coi, quản lý các tài sản trên. Ông D và bà A không có liên quan gì về quyền lợi và nghĩa vụ đối với toàn bộ tài sản mà bà T đã thế chấp. Căn cứ vào khoản 1.3 Điều 1 của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 9/5/HĐTC ngày 09/5/2017, và biên bản làm việc ngày 23/5/2018, bà T cam kết tất cả các tài sản gắn liền với các thửa đất thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà T và đồng ý để cho ngân hàng được quyền xử lý để thu hồi nợ. Ông Trì Văn D và bà Nguyễn Thị A không có quyền và nghĩa vụ gì đối với các tài sản trên và đồng ý chấp hành theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát mãi tài sản.

[5] Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Châu Văn L phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 700.000 đồng. Do Ngân hàng N đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng, nên ông Châu Văn L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 700.000 đồng. Ngân hàng N do ông Phan Văn H đại diện được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ còn dư tại Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Châu Văn L phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại là 96.379.166 đồng. Ông Châu Văn L là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, về hồ sơ đề nghị miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thì người đề nghị được miễn án phí phải có đơn đề nghị nộp cho Tòa án và kèm theo các tài liệu chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông L, nhưng ông Châu Văn L vắng mặt không có lý do và không có đơn đề nghị miễn án phí. Hội đồng xét xử, xét thấy, không đủ căn cứ để chấp nhận miễn toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại cho ông Châu Văn L. Do đó, ông Châu Văn L phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại là 96.379.166 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 4 Luật Thương mại.

Căn cứ vào Điều 299, 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc ông Châu Văn L có nghĩa vụ trả Ngân hàng N, người đại diện của Ngân hàng N ông Phan Văn H - Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh số 02 Trà Vinh tổng số tiền 3.218.958.333 đồng. (Trong đó: vốn gốc là 2.500.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 27/6/2019 là 718.958.333 đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/6/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7402-LAV-201700368 ngày 09/5/2017.

Trường hợp ông Châu Văn L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N theo hợp đồng tín dụng số 7402-LAV-201700368 ngày 09/5/2017 thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản mà bà Châu Thị T đã thế chấp, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 9/5/HĐTC ngày 09/5/2017 để ngân hàng thu hồi nợ vay.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Châu Văn L phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 700.000 đồng. Do Ngân N đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng, nên ông Châu Văn L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 700.000 đồng. Ngân hàng N do ông Phan Văn H đại diện được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ còn dư tại Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ông Châu Văn L phải chịu toàn bộ tiền án kinh doanh thương mại sơ thẩm là 96.379.166 đồng.

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N, người đại diện của Ngân hàng N: ông Phan Văn H - Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh số 02 Trà Vinh số tiền tạm ứng án phí 44.259.000 đồng, tại biên lai thu số 0018769 ngày 03/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b

và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP. Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thảo Nguyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trường Sơn Phương Minh Thành

Bùi Thảo Nguyên